

NHẬT KÝ.
(ĐÔI DÒNG TÂM SỰ)

14 tháng 8.

Hôm qua, gặp nhau dưới phố, một người bạn hỏi tôi đã viết được gì rồi? Những cái lắc đầu chậm chạp thay câu trả lời. Tôi rất muốn khởi sự viết, rất muốn ghi lại những cảm nghĩ, suy tư, những gặp gỡ trong chuyến đi vừa qua nhưng tiếc thay không cách nào tập trung tư tưởng được. Chính tôi cũng ngạc nhiên, vì đã nhiều lần, trước màn ảnh nhỏ của chiếc lap- top; chữ nghĩa, ý nghĩ chạy tán loạn tứ phương, không làm sao gom lại được. Đầu óc trống rỗng, như người sống trong mơ. Cố gắng “nặn óc” cũng không viết nổi một câu. Phần vì giận chính bản thân, nay đã ngoài bảy chục tuổi, não bộ không còn bén nhạy, tươi mát; phần vì trong chuyến đi xa vừa rồi, tôi đã cố gắng hết sức, tiêu hao nhiều năng lực để hoàn tất công việc trong thời gian ngắn; nay đã trở lại Mỹ, cần nghỉ ngơi để hồi phục. Lại nữa tôi thực sự chưa quên được nỗi kinh hoàng trong tai nạn, xảy ra cách nay gần một năm. Tai nạn ấy cứ ám ảnh tâm trí, và lòng vẫn chưa bình thản nên tôi đã tự cho phép mình trì hoãn viết lách thêm một thời gian nữa...

Quả vậy! Thực ra, tôi còn biết bao điều để viết. Người ta thường bảo cuộc sống của mỗi người, bất kể xuất thân, ngành nghề, giai tầng trong xã hội nếu ghi chép lại đầy đủ sẽ là một trường thiên tiểu thuyết. Từ khi sanh ra, đời tôi đã có liên hệ, trôi nổi theo biến động của xã hội, đất nước. Lúc nhỏ cũng được cấp sách đến trường; cũng phải theo đoàn người tản cư khi giặc Tây tràn về. Tuổi trưởng thành vào đời, dân sự có, quân ngũ có. Miền Nam thất thủ, nhà tù bé, nhà tù lớn, có hết! Rồi di dân qua Mỹ, theo “điện” gì cũng có nhưng chỉ một thứ không có: Quê hương!... Những thăng trầm, những tạo ngộ trải dài suốt bảy chục năm qua, tôi nghĩ nếu mỗi ngày quyết tâm ghi lại trên một trang giấy thôi, cuối cùng sẽ hoàn tất được bộ sách dày cả ngàn trang... Chỉ viết một trang mỗi ngày, thoáng nghe thực đơn giản, dễ dàng. Thế nhưng với tôi sao khó quá! Chẳng lẽ cứ phóng tay, không tôn trọng người đọc hay cường điệu hoá ngôn ngữ, sử dụng những từ khó hiểu để che đậy sự thiếu sót và thiếu thành thực của mình.

Tôi không có can đảm viết như vậy. Tôi sợ độc giả tiếc và ân hận tiêu phí thời giờ để đọc những bài viết không đáng đọc...

15 tháng 8.

Ông Bà nội tôi quy tiên vào những năm cuối thập niên 1940, tính ra đã trên sáu chục năm, lúc tôi chưa được mười tuổi. Mẹ phần hai cụ nơi quê nhà, trải qua một thời gian khá dài, nay đã bị soi mòn và như có nguy cơ sắp sửa mất dấu tích. Ông Bà sanh được 6 trai, 3 gái. Cha tôi là con trai thứ năm. Vì tình hình đất nước, các con của hai Cụ sống rải rác mọi miền từ Saigon, Đà Lạt đến Nha Trang, Đà Nẵng v.v. và hầu hết đã qua đời. Còn lại trên dương thế là Mẹ tôi, người con dâu thứ năm định cư tại Mỹ và thím tôi, người con dâu út, nay đã chín mươi tuổi, hiện sống tại Nha Trang. Riêng Ông ngoại tôi mất lâu lắm rồi, lúc tôi chưa chào đời, Bà ngoại mất năm 1960, lúc gia đình tôi đã di cư vào Nam. Ông Bà ngoại có hai người con, Mẹ tôi và một người anh của Mẹ, cũng qua đời mấy chục năm trước. Ở quê, bên ngoại chỉ còn hai người chị dâu và mấy đứa cháu con người anh của Mẹ.

Tin không vui về mộ phần của Ông Bà do thân nhân từ Việt Nam đưa sang khiến Mẹ tôi lo lắng khác thường. Mẹ kể lại những giấc mơ của Mẹ. Khi thì mơ thấy Ông nội tôi như đang bị nhận chìm xuống nước, sắp chết đuối, cạnh đó là những vũng nước, xông lên mùi hôi nồng nặc. Khi thì mơ thấy Bà nội tôi kêu la vì đau đớn như có ai dẫm đạp hoặc lấy viên gạch đập vào đầu. Lại lòng hơn nữa, Mẹ nằm mơ thấy Bà ngoại ôm bụng, vật vã cầu cứu. Mẹ bảo : chắc Ông Bà linh thiêng, về báo mộng để gia đình mình lo sửa sang, xây dựng lại nơi an nghỉ cuối cùng của các Cụ.

Nhớ lại thưở nhỏ xa xưa, từ khi còn học bậc tiểu học, những bài luân lý dạy về công ơn cũng như bổn phận con cháu đối với tổ tiên, ông bà, cha mẹ vẫn còn in sâu trong trí nhớ. Lúc sống phải ăn ở cư xử thế nào; khi trăm tuổi, con cháu phải cung kính thờ phượng ra sao, mồ mả phải chôn cất tu bổ chăm sóc thế nào v.v. Chẳng có gì là khó hiểu. Đó là lối sống theo truyền thống từ ngàn xưa của người Việt mà người ta gọi là “Đạo thờ cúng ông bà”...

Mẹ tôi năm nay đã 93 tuổi, còn minh mẫn nhưng đi lại chậm chạp. Dù muốn làm vui lòng Mẹ cách nào đi nữa, anh em chúng tôi cũng không thể đưa Mẹ về Việt Nam để Mẹ đích thân lo việc

trùng tu mộ phần của các Cụ. Sau nhiều bàn tính, Mẹ và mọi người đề nghị tôi, là con lớn trong gia đình thay mặt về quê hương, liên lạc với các anh chị con của bác tôi, cùng nhau lo cho các Cụ được “mồ yên, má đẹp”. Mai một đây Mẹ yên tâm ngẩng cao đầu khi về gặp Ông Bà nơi chín suối.

Theo ý của Mẹ và gia đình, tôi chuẩn bị ngay chuyến về quê hương lo việc trùng tu hoặc nếu thuận tiện, lo việc di dời mộ phần. Tôi nghĩ đây là cơ hội để đền đáp công đức Ông Bà, Tổ Tiên đã che chở, phù hộ cho gia đình tôi thoát được bao hiểm nguy, không một tổn thất nhân mạng trong suốt cuộc chiến 30 năm (1945-1975), cũng như đã độ trì cho gia đình tôi vượt qua bao chông gai, đói khổ, tủi nhục, đọa đày suốt mười lăm năm, trước khi qua Hoa Kỳ định cư vào mùa xuân 1990. Và gần đây nhất, đã cứu chúng tôi thoát chết trước họng súng của “hai tên da màu xấu xí” vào cướp tiệm giặt -washateria- mà chúng tôi thuê mượn để sinh sống. Tai nạn kinh hoàng này xảy ra vào buổi sáng đầu thu năm 2009. Tánh mạng treo trên sợi tơ, tưởng rằng vợ chồng chúng tôi đã sang bên kia thế giới. Trong khi còn đang chữa trị những vết thương, chúng tôi quyết định bỏ luôn tiệm giặt. Tuy tài sản tổn thất nhưng mạng sống chúng tôi đã bảo toàn. Ý nghĩa câu “của đi thay người” xác đáng làm sao!.. Ngày tháng trôi qua, đã gần nửa năm từ khi xảy ra vụ cướp, nỗi kinh hoàng vẫn ám ảnh; cho nên chuyến về quê này biết đâu chừng giúp tôi tìm lại sự bình thản, quên đi tai nạn không vui. Hơn nữa, xa quê hương miền Bắc quá lâu, đã trên nửa thế kỷ, tôi vẫn ao ước một lần trở về, dù chỉ là về thăm ít ngày. Lòng tôi thực sự dâng lên một niềm vui, niềm vui của người bị “tổng xuất”, bị “mất quê hương”, sắp được về thăm quê cha đất tổ, thăm nơi chôn nhau cắt rốn.

Sau nhiều lần điện thoại với quê nhà và đã có trong tay những chi tiết cần thiết, tôi quyết định đáp chuyến bay về tới Hànội đúng vào ngày rằm tháng giêng năm Canh Dần (2010) và sẽ trở về Mỹ bốn tuần lễ sau, từ phi cảng Tân Sơn Nhứt, Saigon...

Kể từ lúc máy bay lăn bánh ra phi đạo, tôi hầu như bỏ lại sau lưng mọi sinh hoạt trong thành phố mà tôi đã quay cuồng vật lộn suốt hai mươi năm qua, đôi khi tưởng chừng phải đánh đổi mạng sống của mình. Khi đã ổn định chỗ ngồi, tôi đưa mắt một vòng xung quanh. Hành khách cùng chuyến bay thực hiện hòa để

thương. Có lẽ vì đã qua những ngày Tết ở Việt Nam nên không thấy có người Việt, chỉ loáng thoáng mười người Nhật ngồi những hàng ghế phía trên. Phi cơ vượt đại dương trong đêm tối mung lung, bay vào vùng không gian thăm đực, không trăng sao. Ngọn đèn đỏ ở đầu cánh con tàu nhấp nháy không mệt mỏi....

16 tháng 8.

Sau khi dừng ở phi trường Narita (Tokyo-Nhật Bản), 7 giờ sáng hôm sau, tôi chuyển sang máy bay loại nhỏ hơn để bay về Việt Nam. Tiếp viên phi hành là những thiếu nữ Việt trẻ, tóc bới cao, đồng phục áo dài đỏ màu rượu chát, quần vàng; lên xuống trong lòng con tàu, nhanh nhẹn, vững chắc. Phi cơ hạ thấp cao độ sau hơn bốn giờ bay. Xa xa, nhìn xuống dưới là một vùng đất rộng, trạ tằm thăm xanh lớn, có dòng sông đỏ màu phù sa uốn lượn. Đây là lần đầu tiên tôi được nhìn quê hương miền Bắc từ trên cao; lòng rộn ràng, dâng lên niềm vui khó tả. Giữa tôi và quê hương đất nước như có một sợi giây vô hình nối kết, không thể nào chia cắt được. Tôi mơ màng, rung rung xúc động, muốn ôm tất cả cảnh vật phía dưới vào lòng...Phi cơ đáp xuống phi trường quốc tế Nội Bài, cách Hà Nội khoảng 30 cây số về hướng tây bắc. Tôi thuê xe taxi về nhà anh Đồi, anh em cô cậu với tôi. Anh Đồi còn người anh song sinh tên Song, đều lớn hơn tôi một tuổi, đã nghỉ hưu từ lâu, hiện sống ở làng quê. Gia đình anh chị Đồi về quê cúng rằm tháng giêng nên không kịp đón tôi ở phi trường. Một thoáng bụi ngùi khi nghĩ đến quang cảnh, sinh hoạt ở Nội Bài, chắc phải cần một thời gian dài nữa mới xứng với tên gọi phi trường quốc tế. Trời đã xế trưa, dưới ánh nắng âm áp của mùa Xuân, xe chạy tốc độ chậm qua đê Yên Phụ, vào trung tâm thành phố. Phía tay trái, con sông Hồng nước xuống thấp. Bãi đất bồi Phúc Xá dưới chân đê nhà cửa mọc lên kín mít nhưng không có trật tự và thông thoáng. Cầu Long Biên, bắc qua sông Hồng, nối liền Hà Nội với Gia Lâm, xây dựng vào cuối thế kỷ 19, một biểu tượng của Hà Nội từ thế kỷ trước, đã từng hứng chịu bom đạn Mỹ, nay có dáng dấp của người nhiều tuổi, mỗi một giờ những cánh tay sắt đen đúa, khăng khiu lên trời cao...Bên tay phải, phố Hàng Than, Hàng Đậu, lòng lẽ đường xe cộ và người dân đi lại tấp nập. Xe ngang qua Ô Quan Chưởng, một trong năm cửa ô của kinh

thành xa xưa, tuy quanh đây người dân buôn bán ồn ào náo nhiệt nhưng vẫn còn từng đám rêu xanh bám trên vách tường xám lạnh. Xe vẫn chạy, tôi háo hức, tò mò cố ý quan sát cảnh vật mong tìm lại được chút ít thân quen thưở nào nhưng ...đã thay đổi quá nhiều.

Nhớ lại cách đây hơn năm mươi năm , mùa hè 1954, tôi đang trọ học ở Hà nội, phải về Hải Dương theo gia đình xuống Hải Phòng để di cư vào Nam. Người Hà nội, hay người miền Bắc nói chung, lúc ấy thực hoang mang. Ở lại thì lo sợ chính sách mới của người đến tiếp quản thành phố. Ra đi, dĩ nhiên phải bỏ lại tất cả, tương lai không biết ra sao, với hai bàn tay trắng và biết ngày nào mới có cơ hội trở về...Tôi miên man xúc động nhớ thời dĩ vãng xa xưa, khi vĩ tuyến 17 là ranh giới phân chia hai miền Nam Bắc. Một thảm trạng có di lụy lâu dài. Đạo ấy, hầu hết những gia đình chọn lựa ra Bắc (tập kết) hoặc vào Nam (di cư) đều có thân nhân còn kẹt lại tại hai miền. Chiến tranh xảy ra, tránh sao khỏi cảnh huynh đệ tương tàn, anh em bắn giết lẫn nhau...

17 tháng 8.

Anh chị Đồi nhất định giữ tôi ở với gia đình anh chị, không muốn tôi thuê khách sạn dưới phố. Vì ưu tiên cho công việc, lại e thời gian 4 tuần lễ không đủ để hoàn tất việc trùng tu nên ngay sáng hôm sau, tôi khởi sự về quê. Cháu Hà, con trai út anh Đồi, chở tôi tới bến xe. Mới sáng sớm, Hà nội đã rộn rã những thanh âm đặc biệt. Tiếng động cơ ô tô, xe gắn máy kết hợp với tiếng còi xe nhấn liên tục làm “vân đục” không khí trong lành buổi ban mai. Từ nhà ở phía nam thành phố, xe hai bánh cháu Hà lượn lách rất khéo, qua nhiều con phố nhộn nhịp, đông người. Đường phố vẫn nhỏ hẹp, xe cộ lại nhiều, nhất là xe gắn máy hai bánh. Có nhiều lúc tôi hoảng hốt co hai chân lên cao, tưởng như những người lái xe bên cạnh muốn “hỏi thăm” cặp giò của tôi. Luôn luôn phải lo bảo vệ đôi chân nên gần một giờ chạy ngang thành phố lúc “cao điểm” buổi sáng, tôi chưa nhìn ngắm được gì gọi là vẻ đẹp của thủ đô trong ánh bình minh. Cuối cùng, khi đã đến bến xe Gia Lâm, tôi tự nhủ hôm khác sẽ đi dạo thăm Hà nội ba mươi sáu phố phường...

18 tháng 8.

Chiếc xe ca lớn rời bến Gia Lâm, lăn bánh xuôi quốc lộ số 5. Đường lộ nay nói rộng nhiều. Ngồi trên xe chạy nhanh, êm, hình như sản xuất tại Hàn quốc, lại được nghe những bản nhạc miền Nam trước năm 1975 -thường gọi là nhạc vàng- thu vào đĩa nhựa, qua giọng các ca sĩ sống ở nước ngoài khiến tôi ngạc nhiên, thích thú và thoáng nghĩ đến ngày xưa. Ngày ấy, mới mười bốn, mười lăm tuổi từ Hànội, hàng tháng về tỉnh lỵ Hải Dương thăm nhà, đã ngồi trên xe ca nhỏ hiệu Renault của Pháp, ngược xuôi trên quốc lộ 5 hàng trăm lần. Gần sáu mươi năm sau, chính xác là năm mươi sáu năm, ở vào tuổi bảy mươi, tôi mới có dịp trở lại ngược xuôi trên đoạn đường này...

Đọc theo hai bên quốc lộ, nhà máy, xí nghiệp và nhà ở san sát. Không còn hương lúa thơm theo gió thoảng về. Những cánh đồng lúa xanh con gái, khi tới mùa chín vàng trĩu hạt, xưa kia trải rộng đến tận chân trời, nay đã bị đẩy lùi về phía xa, không còn trong tầm nhìn. Xe ngang qua những nơi quen thuộc : Như Quỳnh, Bần Yên Nhân, Mỹ Hào và dừng tại Phố Gỏi. Đây là ngã tư giao lộ hướng đông tây (Hải Phòng-Hànội) và bắc nam (Bắc Ninh-Thái Bình). Từ đây về làng tôi, rẽ tay phải, theo hướng nam, lối vào Kê Sặt, khoảng ba, bốn cây số.

Ghé vào một quán nước, chưa tới mười giờ sáng. Ly cà phê đen nóng khiến tôi tỉnh táo, nhìn lại cảnh vật nơi đây. Thị trấn Phố Gỏi, cách Hànội 40 cây số, ngày xưa chỉ có vài chục hàng quán lợp tranh, vách đất hoặc lợp tôn vách ván; bây giờ có nhà trọ, nhà hàng ăn uống, có tiệm phở, quán cà phê giải khát, có tiệm sửa xe gắn máy, tiệm tạp hoá v.v. Thời chiến tranh Việt Pháp, cái đồn lính Tây ngày xưa, với nhiều lớp hàng rào kẽm gai bao quanh và một vọng gác xây bằng gạch nung đỏ, cao cỡ toà nhà hai ba tầng, từ xa mấy cây số cũng nhìn thấy, nay không còn. Thay vào đó là một đồn Công an của thị trấn.

-“Bố về đâu để con đèo Bố về.” Một cậu thanh niên vóc dáng khoẻ mạnh tiến lại hỏi. Hơi giật mình, tôi mỉm cười vì lâu lắm mới nghe chữ “đèo”. Chưa kịp trả lời, cậu thanh niên hỏi tiếp: -“Bố công tác trong Thành phố, hôm nay về thăm nhà hả Bố”?

Tôi đang bối rối. Cách phục sức và dáng bộ của tôi dù có che dấu khéo cách nào cũng vẫn còn tách biệt với người địa phương.

May quá! Chưa ai biết được căn cước thực của tôi. Họ không ngờ rằng tôi đã về đây từ thành phố cách xa nửa vòng trái đất.

-“Thằng Trung này chạy tốt lắm! Xe của nó còn mới.”

Người chủ quán thêm vào.

Để cậu xe ôm yên lòng, tôi trả lời:

-“Chú có hẹn người nhà. Nếu không ra đón, Chú sẽ nhờ cháu.”

Thực ra tôi muốn tự mình lo tìm phương tiện về làng, không cần ai đón. Tôi muốn được tận hưởng những xúc cảm bồi hồi, muốn có tâm trạng thực sự của một người trở về thăm quê sau một thời gian dài xa cách, tưởng không có ngày về.

-“Vâng. Thế Bô ngồi uống nước. Tí nữa con quay lại”.

Khi Trung xe ôm đi rồi, quay về phía chủ quán, tôi dò ý:

-“Ông bán hàng ở đây lâu chưa?”

-“Đúng bốn mươi năm rồi bác ạ.”

Bốn mươi năm không phải là thời gian ngắn. Nhưng có lẽ chỉ người sinh sống ở đây khoảng bảy mươi năm, mới biết được câu chuyện của Cha tôi hồi đó, xảy ra quanh khu Phố Gỏi này...

Năm 1945, vào những ngày tháng trước khi cướp chính quyền, Việt Minh lùng bắt, thủ tiêu hoặc ám sát rất nhiều thành viên đảng phái chính trị quốc gia. Cha tôi, một đối tượng được ghi trong tài liệu in ẩn sau này (của nhóm Ông Trần Huy Liệu) là Đại Việt phản động nhất vùng Bình Giang, Hải Dương nên đã không thoát... Vì tên của Cha có nghĩa là “nước” nên Việt Minh nghĩ ra cách trói tay chân lại, rồi thả Cha xuống sông Kẻ Sắt, hiểu theo nghĩa “cho trôi sông” hoặc “mò tôm”. Quá nửa đêm, trời tối đen (Cha kể lại lúc sinh tiền) hai khuỷu tay bị trói gặt ra phía sau, họ dẫn Cha lội xuống sông từ bờ phía nam. Khi mực nước ngang bụng, một người trong bọn họ lấy đoạn dây thừng, khom người cột hai cổ chân của Cha, nhưng hình như chỉ quấn vài vòng lỏng lẻo và cột sơ sài ...rồi xô Cha vào dòng nước. Cha cố gắng rút bàn chân khỏi vòng dây thừng, dùng chân đạp nước, nín thở và cố lặn sang bờ bên kia. Khi trời lên, không ngờ chui vào giữa đám bèo tây dày và lớn, đang trôi chậm chậm. Bọn thi hành lệnh thủ tiêu gồm ba người, nán lại một lúc nữa rồi biến dạng trong đêm. Sau này gia đình biết được người cột dây thừng nơi cổ chân Cha đêm ấy là người đã mang ơn Ông Bà nội, cứu sống cả nhà anh ta ngày

trước...Cha vẫn dùng hai chân đạp nước, ngửa đầu tựa trên đám bèo. Khi đã thực an toàn, Cha lên bờ phía bắc, toàn thân lạnh run, nhưng phải nhanh thoát khỏi nơi này. Tay vẫn còn bị trói, trên người chỉ còn cái quần đùi ngắn, Trời vẫn chưa sáng. Cha chạy đến nhà người phu xe kéo-còn gọi là xe tay- ở Phố Gỏi, cách bờ sông gần một cây số. Người phu xe rất ngạc nhiên và xúc động nghe cha yêu cầu giúp đỡ. Ông ta kéo cha vào trong nhà và vội vàng đóng cửa lại. Vừa cởi trói cho Cha, ông ta gọi đưa con trai đốt đồng củi nhỏ ở giữa nhà để sưởi ấm. Ông rót một ly rượu trắng để cha uống cho nóng người, rồi lấy tặng Cha một bộ quần áo và chút ít tiền. Tuy vậy, ông rất tiếc không thể kéo xe chở Cha lên ga Cẩm Giàng, cách Phố Gỏi bảy cây số vì ông mới chạy một “cuốc” từ trên ấy về. Cha chỉ biết cảm ơn rồi từ giã và lập tức chạy bộ lên Cẩm Giàng để kịp chuyến tàu hoả sớm, ngược về Hà Nội...Bảy năm sau, 1952, dù còn chiến tranh loạn lạc, Cha nhờ người tìm được và đón ông phu xe tốt bụng năm nào về nhà; khách và chủ vui mừng, cảm động nhắc lại chuyện xưa...

-“ Thế có ai ra đón không Bố? Bố về đâu hả Bố?” Cậu xe ôm đã dẫn xe đến và nhắc nhở.

-“Chú về làng Phụng Viện. Cháu biết làng Phụng Viện không? Về đó cháu tính bao nhiêu?” Theo lời khuyên của nhiều người, tôi phải hỏi giá cả trước để tránh rắc rối.

-“Bố ơi, con chạy xe ở đây mấy năm rồi. Vùng này chỗ nào mà con không biết chứ.” Như muốn tôi yên tâm hơn, Trung xe ôm thêm “ Qua My Khê, qua Phục Lễ là tới Phụng Viện phải không Bố? Bố cho con mười nghìn thôi”

20 tháng 8.

Để được thoải mái ngắm nhìn cảnh vật, tôi yêu cầu cậu xe ôm chạy chậm chậm. Phố Gỏi vào Kê Sắt không xa, chỉ vài ba cây số. Nhà cửa, hàng quán kín hai bên đường, có ghi năm xây dựng ngoài mặt tiền, phía trên cao; phần lớn xây sau năm 2000. Ngôi nhà thờ Sắt, thuộc hạng nhà thờ lớn ở miền Bắc, với hai tháp vuông vắn ngạo nghễ vươn cao trên bầu trời, như kiên cường và thách thức. Xe không đi vào trong trung tâm thị trấn Kê Sắt, chạy theo đường vòng phía ngoài để về làng. Lòng rộn ràng niềm vui vì niềm mơ ước về thăm quê cũ sắp thành hiện thực. Tôi thầm cảm

on những dòng nhạc và lời ca mà những người cùng thế hệ với tôi không thể nào quên được. Còn gì xao xuyến, lâng lâng rộn rã cho bằng khi thấy mình đang “Tung cánh chim tìm về tổ ấm, nơi sóng bao ngày giờ.....”

-“Phụng Viện đây rồi Bố ơi! Bố vào nhà ai?” Còn đang ngỡ ngác tìm những dấu tích quen thuộc, moi trong ký ức những hình ảnh xa xưa, bất ngờ cậu xe ôm Trung dừng lại và hỏi. Tuy không tin là đã về tới, nhưng rõ ràng phía tay trái tôi, một công xây bằng gạch tô xi măng, chưa sơn phết, kiểu “tam quan”, giống như công vào sân đình, chùa. Phía trên cao, ba chữ tô nổi LÀNG PHỤNG VIỆN nằm trang trọng, cân đối trong khung hình chữ nhật có mái che. Những hình ảnh quê cũ khắc ghi trong trí thưở xa xưa, nay hoàn toàn khác lạ. Xưa kia, ngay chỗ công làng mới xây này có cây đa lớn, xòe rộng tán lá, là đầu của con đê dẫn vào làng. Những cánh đồng lúa quanh vùng, thưở ấy mênh mông như biển; làng mạc đó đây rải rác tựa như những đảo nhỏ xanh xanh nhấp nhô giữa sóng lúa. Biết bao hình ảnh xinh đẹp, thơ mộng của quê tôi, lưu lại trong trí từ thưở niên thiếu, lại được vun bồi bằng những dòng nhạc hoang tưởng áp ủ suốt nửa thế kỷ, hôm nay bỗng dưng nhạt mờ. Tôi ngỡ ngàng, hụt hẫng. Quê tôi không còn “con đê dài ngậy ngát!” Quê tôi cũng không còn “cây đa cao ngát từng xanh!”...

-“Bố vào nhà ai hả Bố?” Cậu xe ôm kéo tôi về thực tại. Như đã có hẹn trước, tôi yêu cầu Trung đưa tôi tới nhà thờ của Ông Bà nội.

21 tháng 8.

Các anh, chị con của Bác tôi đã tập họp, chờ trong chính điện. Trong số hơn chục người ấy, tôi nhận ra chị Viễn, con gái lớn bác Cả và chị Song, con dâu người cô, cách đây gần ba chục năm, đã lên thăm tôi ba bốn lần, khi tôi bị “tù cải tạo” trong một trại giam dưới chân núi Tam Đảo. Những người khác có lẽ sinh ra sau khi tôi đã rời làng quê. Gian nhà lớn ồn ào những tiếng chào, những lời thăm hỏi. Mấy chục con mắt tập trung vào tôi như dò xét, chờ đợi. Tôi xin phép mọi người được thấp nén nhang khấn vái Ông Bà. Trước bàn thờ với di ảnh hai Cụ trên cao, với lư đồng, giá nến bóng loáng, trưng bày bông hoa, trái cây nhiều màu sắc,

lại có mùi nhang thơm phảng phất, tôi thành tâm khấn nguyện các Cụ linh thiêng phù hộ cho tôi hoàn tất công việc một cách tốt đẹp. Lúc ấy, anh Song cũng về tới, theo sau là một người trung niên mà anh giới thiệu là Tuấn con chú Út tôi. Anh Song và Tuấn đưa tôi đi viếng mộ Ông Bà nội. Tôi bàng hoàng ngạc nhiên nghĩ đến những giấc mơ của Mẹ. Mộ Ông nội nằm cạnh bờ ruộng, bị ngập nước hết một phần ba và ở gần một chuồng heo (lợn). Mộ Bà nội ở trên khô nhưng lại bị những ngôi mộ mới xây che chắn hoặc bị va chạm, làm nứt vỡ nhiều nơi. Đó là hậu quả của việc tăng nhanh dân số nhưng thiếu đất làm nhà ở và canh tác. Hơn sáu mươi năm trước là nghĩa trang, nay là xóm nhà và ruộng vườn. Chúng tôi đồng ý ngày mai, anh Hoàng từ Đà Nẵng ra tới, sẽ bàn cụ thể việc trùng tu.

Rời gia đình bên nội, tôi ghé sang bên ngoại, cũng ở trong làng. Mọi người đã biết trước nên chuẩn bị sẵn sàng đưa tôi đi thăm mộ phần Ông Bà ngoại. Mộ Ông ngoại xây giống hình giếng nước hình tròn. Vòng tròn sát mặt đất lớn nhất, vòng thứ hai nhỏ hơn, vòng trên cùng vừa bằng miệng giếng đường kính khoảng 1 mét. Mộ Ông ngoại còn kiên cố, vững chắc. Trái lại, thực kinh hoàng và đau lòng thấy mộ của Bà ngoại tôi, nằm ngay trên lối mòn băng qua nghĩa địa nhỏ. Lại có dấu vết của chân trâu bò dẫm lên. Thảo nào, Mẹ nằm mơ thấy Bà ôm bụng kêu la đau đớn. Chắc Bà linh thiêng lắm, thấy con cháu ở quê neo đơn, hoàn cảnh khó khăn nên mới báo mộng cho Mẹ tôi... Bên ngoại ít người, đơn giản và vui mừng đồng ý ngay, sẽ khởi công vào ngày 18 tháng giêng tức là ngày 03 tháng 3 năm 2010, ngày được coi là rất tốt để trùng tu mộ phần...

28 tháng 8.

Thăm mộ phần Ông Bà nội ngoại xong, tôi trở ra Hà Nội. Trời đã xẩm tối. Hà Nội rực rỡ ánh đèn. Những bảng quảng cáo có đèn xanh đỏ nhấp nháy viền quanh, treo lơ lửng trên nóc các toà nhà cao tầng, tăng sức sống ban đêm của thành phố. Tôi không thể nhận biết mình đang ở khu nào. Xe cộ qua lại ồn ào, ban đêm cũng bóp kèn thoải mái. Phải công nhận máy điện thoại cầm tay- trong nước gọi là điện thoại di động- là một ứng dụng khoa học kỹ thuật rất hữu ích, rất tiện dụng, ít ra đối với tôi trong dịp này. Thế rồi,

cháu Hà nhận được điện thoại, đã đón tôi về nhà vừa kịp bữa cơm tối với gia đình anh Đồi.

10 tháng 9.

Sáng hôm sau, tôi lại từ Hà Nội về quê. Anh Hoàng con bác Tư cũng từ Đà Nẵng ra tới. Trước mặt tôi, tuy mới bảy mươi tư tuổi, anh là một cụ già tóc trắng như bông, hàm răng chiếc còn chiếc mất, đôi mắt như thu nhỏ lại, không cân đối với gương mặt. Anh Hoàng hôm nay là như vậy, khác xa hình ảnh gần ba mươi năm trước tôi gặp ở Đà Nẵng.

Thực ra, các anh chị ở quê rất xót xa thấy mộ phần của các Cụ bị hư hại nhưng vì cuộc sống khó khăn, lo ăn còn vất vả, muốn trùng tu cũng không đủ khả năng. Hôm nay, anh Hoàng cẩn thận mang theo một cuốn lịch, có chữ Tàu, chữ Việt ghi rõ ngày tháng tốt xấu trong năm. Sau khi bàn bạc, chọn kiêu mẫu, vật liệu, v.v. tất cả anh chị em chúng tôi đồng ý trùng tu mộ phần các Cụ không cầu kỳ, hào nhoáng, mà phải trang nghiêm, kiên cố và sẽ khởi công cùng ngày với bên ngoài, ngày 18 tháng giêng Canh Dần nhằm ngày 03 tháng 3- 2010...

Ngày hôm sau, vì là ngày khởi công nên tôi về quê rất sớm. Các anh chị tôi đã chu đáo chuẩn bị một mâm lễ vật cúng ngoài đình. Hôm nay tôi mới có dịp ghé thăm đình làng, một di tích, một công trình văn hóa từ nhiều thế kỷ trước, hiếm hoi tồn tại nơi làng quê miền Bắc. Qua bao nhiêu triều đại, thăng trầm dâu bể; những trận giặc Tây càn, những phong trào cải cách, những chiến dịch tiêu thổ kháng chiến v. v. ngôi đình làng tôi vẫn đứng vững với thời gian. Tháp nhang trước hương án thờ vị thần bảo hộ xóm làng, lòng tôi thực sự tin tưởng Ngài rất linh thiêng nên giữ được ngôi đình nguyên vẹn và làng tôi không bị tàn phá trong những năm chiến tranh.

11 tháng 9.

Việc trùng tu tiến hành nhịp nhàng. Tôi vẫn sáng từ Hà Nội về quê, chiều lại từ quê lên Hà Nội. Tôi đã đến thăm và thắp nén nhang tưởng nhớ công đức tổ tiên tại ngôi nhà thờ họ Vũ. Thực sự, gia phả mà Cha tôi để lại cũng không ghi rõ dòng họ Vũ đã định cư tại vùng đất này tự bao giờ. Riêng ngôi nhà thờ, Cha đã vận

động bà con trong họ dựng lên gần sáu chục năm trước. Nóc nhà thờ và bốn góc trên mái, vẫn còn nguyên hình rồng đắp nổi, châu mặt nguyệt. Phía trên cao mặt tiền, bốn chữ Hán “Vũ Tộc Từ Đường” và niên hiệu “1952” ốp nổi bằng những mảnh vụn sành sứ to cỡ hai đầu ngón tay, có tráng men xanh lơ và hoa văn xanh dương. Toàn cảnh vẫn giữ được nét đẹp nghệ thuật trang trí cổ điển, sau hơn nửa thế kỷ dầu dãi nắng mưa.

Nhưng ngỡ ngàng và xúc động hơn cả là lúc đi ngang căn nhà mà gia đình tôi trú ngụ thuở xa xưa, trước khi Cha tôi đón Mẹ và anh em tôi ra sống tại tỉnh lỵ Hải Dương năm 1947. Người ta cho biết từ khi gia đình tôi di cư vào Nam, Ủy ban xã lấy căn nhà ấy chia cho những người thuộc diện chính sách, hiểu theo nghĩa thành phần có công trạng với chính quyền. Tôi chỉ đứng ngoài hàng rào nhìn vào. Căn nhà ba gian hai chái quay về hướng đông phủ mái rạ ngả màu nâu. Nóc nhà võng xuống và những cọng rạ không cắt xén ngay ngắn, buông thõng phía trên mái hiên. Tôi không thể tin được những vòng khoai lang trước nhà hôm nay, là khoảng sân rộng xưa kia Cha đã đặt tôi ngồi lên yên xe đạp, dẫn vòng vòng. Những cây bông hồng, mẫu đơn, cây quỳnh, cành giao v.v. và hòn non bộ trong vườn hoa nhỏ đầu nhà, mà tôi còn lưu trong trí, nay biến hoá, nhường chỗ cho vài liếp rau và vài luống cà. Đặc biệt, cây khế nơi góc vườn vẫn còn, nhưng đã thành “cô thụ”. Mẹ bảo cây khế nhà mình, trái ngọt tự nhiên, không cần phải chôn xác con mèo dưới gốc. Nhưng hôm nay, tôi không thấy chùm khế nào trên cây. Tôi chạnh nhớ đến lời của một bản nhạc phổ từ thơ, có câu “quê hương là chùm khế ngọt...,” và lại ngậm ngùi thầm nghĩ khế chua cũng không còn huông chi là khế ngọt! Còn cây khế là may!...

Ngược xuôi Hà nội về quê từ sáng sớm, quê lên Hà nội lúc xẩm tối, rờn rã gần một tháng trời. Chính tôi cũng ngạc nhiên về sức chịu đựng của bản thân. Tội nghiệp cháu Hà, con anh chị Đồi, trong suốt tuần lễ đầu, chiều nào cũng ra bên xe đón tôi. Cháu ái ngại, thường nhắc: “Chú ơi, Chú cẩn thận, coi chừng bị ốm, không đủ sức trở về Mỹ đâu chú ạ!” Riêng tôi, tin tưởng có Ông Bà linh thiêng phù hộ, mọi việc sẽ êm xuôi. Quả nhiên, gần ba tuần lễ sau ngày khởi công, việc trùng tu hoàn tất tốt đẹp. Riêng bên ngoài, công việc hoàn tất sớm hơn ít ngày. Vợ tôi, đã chuẩn bị trước, đáp

chuyến bay về Việt Nam một tuần trước ngày khánh thành. Đây cũng là điều mong ước của vợ tôi, muốn được về thăm quê chồng, sau hơn bốn chục năm chúng tôi kết hôn ở miền Nam.

Việc trùng tu mộ phần hoàn thành đúng như dự định. Chỉ còn một tuần lễ là đến ngày trở về Mỹ. Vé máy bay từ Hà Nội vào Saigon phải mua trước hai ngày. Tuy không có thì giờ viếng thăm phần mộ các tử sĩ trong nghĩa trang quân đội Dĩ An Biên Hòa ở miền Nam nhưng trước khi bay vào Saigon, tôi lại có may mắn ngược lên ngoại ô thị trấn Sơn Tây để thực hiện ý nguyện viếng nơi an nghỉ cuối cùng của vị Cựu Tư Lệnh Sư đoàn 5 bộ binh, vị Tướng đã anh dũng tử tiết vào trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975. Tôi cũng không quên thắp thêm nén nhang tưởng niệm Tướng Võ theo yêu cầu của Nguyễn Vũ - bút danh của một cựu sĩ quan pháo binh nhảy dù ...

Phi cơ rời sân bay Tân Sơn Nhất lúc nửa khuya. Phía dưới, xa xa, những vùng ánh sáng tựa quần đảo nhỏ trên biển đen. Lòng buồn man mác, tôi băn khoăn không biết chừng nào, chắc còn lâu lắm, tôi mới có ý định trở về thăm quê hương một lần nữa. Nhưng kể từ khi trở lại Mỹ, tới nay mới trên nửa năm, tôi nghe trong tim, Việt nam lại réo gọi. Tôi có cảm tưởng chưa tìm lại được những gì trong sáng, hồn nhiên của tuổi thơ đầy ấp tình thương thương nào. Tôi cũng chưa tìm được dấu tích kỷ niệm nào của thời “ tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt”. Tôi vẫn chưa tìm thấy những gì muốn tìm... Khi ngồi viết những dòng cuối cùng của bài này, tiết trời ngoài kia đang ở giữa thu. Chỉ mười ngày nữa là ngày Lễ Tạ Ơn (Thanksgiving). Ngoài việc tạ ơn Trời Đất, tạ ơn tổ tiên, ông bà, tạ ơn các bậc sinh thành, tạ ơn gia đình vợ con, anh em, thân nhân bằng hữu, tạ ơn những người còn sống và đã khuất v.v..., tôi phải tạ ơn con người và xứ sở đã đón nhận gia đình tôi trên đường tỵ nạn. Đặc biệt, tôi tạ ơn đất nước, giống nòi đã cho tôi danh xưng người Việt Nam và thậm chí mong được về thăm lại quê hương một ngày không xa.

Triệu Vũ.
(Houston, Lễ Tạ Ơn-Thanksgiving 2010)

